

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

---

**BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM**

Số: 04/DDKH/2019

**I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm**

**Tên tổ chức, cá nhân:** CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG KHÁNH HÒA

**Địa chỉ:** Tầng 6, Tòa Nhà Hoàng Việt, Số 34 Hoàng Việt, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**Điện thoại:**

**Fax:**

**E-mail:**

**Mã số doanh nghiệp:** 0314524290

**II. Thông tin về sản phẩm**

**1. Tên sản phẩm:** NƯỚC YẾN SÀO 25% TỎ YẾN CHUNG ĐƯỜNG PHÈN

**2. Thành phần:** Nước, Đường phèn Tỏ yến (25%), Chất ổn định (INS 415, INS 407, INS 401, INS 327), Hương Yến (tổng hợp, giống tự nhiên).

**3. Thời hạn sử dụng sản phẩm:** 2 năm kể từ ngày sản xuất.

**4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:**

- Sản phẩm được đóng trong hũ thủy tinh có nắp nhôm, sau đó cho vào hộp giấy, thùng giấy. Bao bì đảm bảo vệ sinh và phù hợp quy định hiện hành về bao bì thực phẩm

- Thể tích thực: 70 ml/hũ

- Số lượng sản phẩm trong hộp giấy: 06 hũ/hộp

- số lượng sản phẩm trong thùng giấy:

\* 60 hũ (10 block x 06 hũ)

\* 60 hũ (10 hộp x 06 hũ)

Số lượng sản phẩm trong hộp giấy, thùng giấy còn tùy theo nhu cầu khách hàng và được ghi rõ trên nhãn hàng hóa.

**5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm (trường hợp thuê cơ sở sản xuất):**



\* Sản phẩm của: CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Tầng 6, Tòa Nhà Hoàng Việt, Số 34 Hoàng Việt, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

\* Sản xuất tại: CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Lô B, Đường số 2, Khu công nghiệp Đồng An, Phường Bình Hòa, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

**III. Mẫu nhãn sản phẩm:** (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)

#### IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia số: QCVN 6-2:2010/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với sản phẩm đồ uống không cồn.
- Thông tư số 24/2019/TT-BYT Thông tư quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

TP HCM, ngày 12 tháng 10 năm 2023.

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN**

(Ký tên, đóng dấu)



**TRẦN VĂN TRUNG**

**III. Mẫu nhãn sản phẩm: mẫu nhãn sản phẩm dự kiến**

**NƯỚC YẾN SÀO 25% TỔ YẾN CHUNG ĐƯỜNG PHÈN**



**Sản phẩm của:** CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Tầng 6, Tòa Nhà Hoàng Việt, Số 34 Hoàng Việt, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**Sản xuất tại:** Công Ty Cổ Phần Hàng Tiêu Dùng Bình Dương.

Địa chỉ: Lô B, Đường số 2, Khu công nghiệp Đồng An, Phường Bình Hòa, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

**Thành phần:** Nước, Đường phèn Tổ yến (25%), Chất ổn định (INS 415, INS 407, INS 401, INS 327), Hương Yến (tổng hợp, giống tự nhiên).

**Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu:**

| Chỉ tiêu                           | đơn vị tính | Mức chất lượng |
|------------------------------------|-------------|----------------|
| Hàm lượng đường tổng, trong khoảng | %           | 7.0 – 12.3     |
| Hàm lượng chất khô, không nhỏ hơn  | %           | ≥ 8.0          |
| Hàm lượng protein (N*6.25)         | %           | 0.21 – 0.40    |
| Hàm lượng Canxi                    | mg/kg       | ≥ 600          |
| Tỷ trọng ở 25°C                    | g/ml        | 0,7 – 1,3      |

**Hướng dẫn sử dụng:** Lắc đều trước khi uống, ngon hơn khi uống lạnh.

**Bảo quản:** Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát tránh ánh nắng trực tiếp

**Thông tin cảnh báo an toàn:** Không dùng sản phẩm đã quá hạn sử dụng.

Ngày sản xuất: xem trên nắp hũ

Hạn sử dụng: 2 năm kể từ ngày sản xuất

**Xuất xứ:** Việt Nam

**Số TCBSP:** 04/DDKH/2019

**Thể tích thực:** 70 ml/ hũ



KT3-09267ATP2/9

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

29/12/2022  
Trang 01/03

- Tên mẫu : NƯỚC YÊN SÀO 25% TỎ YÊN CHUNG ĐƯỜNG PHÈN
- Mô tả mẫu : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp.  
Xem hình trang 03/03.
- Số lượng mẫu : 01
- Ngày nhận mẫu : 14/12/2022
- Thời gian thử nghiệm : 14/12/2022 - 29/12/2022
- Nơi gửi mẫu : CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG KHÁNH HÒA  
Tầng 6, Tòa Nhà Hoàng Việt, Số 34 Hoàng Việt, Phường 4,  
Quận Tân Bình, Thành Phố Hồ Chí Minh
- Kết quả thử nghiệm : Xem trang 02/03

TRƯỞNG PTN THỰC PHẨM

Nguyễn Thành Công

TL. GIÁM ĐỐC  
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM



Ngô Quốc Việt

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.  
*Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.*
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ  $k = 2$ , phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.  
*The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor  $k = 2$ , at 95 % confidence level.*
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.  
*This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.*
- Mọi thắc mắc về kết quả khách hàng liên hệ theo địa chỉ [dh.cs@quatest3.com.vn](mailto:dh.cs@quatest3.com.vn) và [rq.tn@quatest3.com.vn](mailto:rq.tn@quatest3.com.vn) để biết thêm thông tin.  
*Please contact Quatest 3 at the email addresses [dh.cs@quatest3.com.vn](mailto:dh.cs@quatest3.com.vn) and [rq.tn@quatest3.com.vn](mailto:rq.tn@quatest3.com.vn) for further information about test report.*



KT3-09267ATP2/9

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

29/12/2022  
 Trang 02/03


7. Kết quả thử nghiệm :

| Tên chỉ tiêu  | Phương pháp thử                            | Giới hạn phát hiện      | Phạm vi đo (≥) | Kết quả thử nghiệm       |
|---|--|-------------------------|----------------|--------------------------|
| 7.1. Hàm lượng protein tính theo khối lượng, %                          | QTTN/KT3 140:2016<br>Phương pháp Kjeldahl  |                         | -              | 0,29                     |
| 7.2. Hàm lượng đường tổng tính theo glucose tính theo khối lượng, %     | QTTN/KT3 178:2017<br>(Ref: TCVN 4594:1988) |                         | -              | 9,52                     |
| 7.3. Hàm lượng chất khô tính theo khối lượng, %                         | QTTN/KT3 136:2016                          |                         | -              | 10,2                     |
| 7.4. Tỷ trọng tương đối ở 20°C/20°C                                     | QTTN/KT3 191:2018                          |                         | -              | 1,039                    |
| 7.5. Hàm lượng canxi, mg/kg   | QTTN/KT3 167:2017<br>(Ref: AOAC (985.01))  | -                       |                | 728                      |
| 7.6. Hàm lượng chì, mg/L  | QTTN/KT3 098:2016<br>(Ref: AOAC (999.11))  | 1,80 x 10 <sup>-2</sup> |                | Không phát hiện          |
| 7.7. Tổng số vi sinh vật hiếu khí <sup>(1)</sup> , CFU/mL               | ISO 4833-1:2013                            | -                       |                | Nhỏ hơn 1 <sup>(*)</sup> |
| 7.8. Coliform <sup>(1)</sup> , CFU/mL                                   | ISO 4832 : 2006                            | -                       |                | Nhỏ hơn 1 <sup>(*)</sup> |
| 7.9. <i>Escherichia Coli</i> <sup>(1)</sup> , CFU/mL                    | ISO 16649 – 2 : 2001                       | -                       |                | Nhỏ hơn 1 <sup>(*)</sup> |
| 7.10. Enterococci <sup>(1)</sup> , CFU/mL<br><i>Streptococci faecal</i> | ISO 7899-2:2000                            | -                       |                | Nhỏ hơn 1 <sup>(*)</sup> |
| 7.11. <i>Pseudomonas aeruginosa</i> <sup>(1)</sup> , CFU/mL             | ISO 16266 : 2006                           | -                       |                | Nhỏ hơn 1 <sup>(*)</sup> |
| 7.12. <i>Staphylococcus aureus</i> <sup>(1)</sup> , CFU/mL              | AOAC 2019 (975.55)                         | -                       |                | Nhỏ hơn 1 <sup>(*)</sup> |
| 7.13. <i>Clostridium perfringens</i> <sup>(1)</sup> , CFU/mL            | ISO 7937 : 2004                            | -                       |                | Nhỏ hơn 1 <sup>(*)</sup> |
| 7.14. Tổng số nấm men & nấm mốc <sup>(1)</sup> , CFU/mL                 | ISO 21527-1:2008                           | -                       |                | Nhỏ hơn 1 <sup>(*)</sup> |

**Ghi chú:** Hàm lượng protein = Hàm lượng nitơ x 6,25

(\*): Theo phương pháp thử, kết quả được biểu thị nhỏ hơn 1 CFU/mL khi không có khuẩn lạc mọc trên đĩa

(1): Chuẩn bị mẫu: Thực hiện đồng nhất mẫu trong túi đập mẫu vô trùng có lọc. Thử nghiệm trên phần dịch lỏng theo yêu cầu của khách hàng.



1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.  
*Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.*  
 2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.  
 3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.  
*The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.*  
 4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.  
*This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.*  
 5. Mọi thắc mắc về kết quả khách hàng liên hệ theo địa chỉ [dh.cs@quatest3.com.vn](mailto:dh.cs@quatest3.com.vn) và [rq.tn@quatest3.com.vn](mailto:rq.tn@quatest3.com.vn) để biết thêm thông tin.  
*Please contact Quatest 3 at the email addresses [dh.cs@quatest3.com.vn](mailto:dh.cs@quatest3.com.vn) and [rq.tn@quatest3.com.vn](mailto:rq.tn@quatest3.com.vn) for further information about test report.*





KT3-09267ATP2/9

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

29/12/2022  
 Trang 03/03



- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.  
*Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.*
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.  
*The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.*
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.  
*This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.*
- Mọi thắc mắc về kết quả khách hàng liên hệ theo địa chỉ [dh.cs@quatest3.com.vn](mailto:dh.cs@quatest3.com.vn) và [rq.tn@quatest3.com.vn](mailto:rq.tn@quatest3.com.vn) để biết thêm thông tin.  
*Please contact Quatest 3 at the email addresses [dh.cs@quatest3.com.vn](mailto:dh.cs@quatest3.com.vn) and [rq.tn@quatest3.com.vn](mailto:rq.tn@quatest3.com.vn) for further information about test report.*